

Số: 48/2025/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 16 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 483/2024/TLST- DS ngày 14/11/2024 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1977; Trú tại: Số nhà A, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1972; Trú tại: Số B, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1974; Trú tại: Số B, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1970; Trú tại: Số A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1972; Trú tại: Số A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Huỳnh Lệ T2, sinh năm 1962; Trú tại: Số C, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

+ Huỳnh Thị H1, sinh năm 1966; Trú tại: Số D, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số F, Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1968; Trú tại: Số A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Đã chết)

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn D:

+ Bà Trần Thị M, sinh năm 1969;

+ Ông Huỳnh Công H2, sinh năm 1998;

Cùng trú tại: Số A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre

+ Ông Huỳnh Duyên H3, sinh năm 1990; Trú tại: Số A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị Thúy H4, sinh năm 1985; Trú tại: Số A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre

+ Bà Trần Thị N1, sinh năm 1990; Trú tại: Số B, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

+ Ông Trần Văn N2, sinh năm 1993; Trú tại: Số B, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bà H4, bà N1, ông N2: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số F, Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre

- Bà Nguyễn Thị Mộng N3, sinh năm 1989; ĐKTT; Khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở: Số A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre

- Bà Nguyễn Thị Hồng T3, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị M, ông Huỳnh Công H2, ông Huỳnh Duyên H3 có nghĩa vụ giao lại toàn bộ thửa đất số 777 tờ bản đồ 17 diện tích 426,3 m² tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất bao gồm: 01 căn nhà chính, 02 nhà phụ, 02 sân nhà, mái che tiền chế (được ký hiệu tại các vị trí 777-1, 777-2, 777-3, 777-4, 777-5, 777-6) theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre cho bà Huỳnh Thị N.

- Bà Huỳnh Thị N được toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 777 tờ bản đồ 17 diện tích 426,3 m² tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất bao gồm: 01 căn nhà chính, 02 nhà phụ, 02 sân nhà, mái che tiền chế (được ký hiệu

tại các vị trí 777-1, 777-2, 777-3, 777-4, 777-5, 777-6) theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/3/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà Huỳnh Thị Ngọc T4 liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị N đối với thửa đất số 777 tờ bản đồ 17, diện tích 426,3 m² tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre theo quy định của Luật đất đai.

(Có họa đồ kèm theo)

- Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho Huỳnh Thị T số tiền 406.600.000 (Bốn trăm lẻ sáu triệu sáu trăm trăm nghìn) đồng.

- Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho Huỳnh Thị B số tiền 406.600.000 (Bốn trăm lẻ sáu triệu sáu trăm trăm nghìn) đồng.

- Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho Huỳnh Thị H số tiền 406.600.000 (Bốn trăm lẻ sáu triệu sáu trăm trăm nghìn) đồng.

- Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho Huỳnh Lệ T2 số tiền 406.600.000 (Bốn trăm lẻ sáu triệu sáu trăm trăm nghìn) đồng.

- Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho Huỳnh Thị T1 số tiền 406.600.000 (Bốn trăm lẻ sáu triệu sáu trăm trăm nghìn) đồng.

- Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho Huỳnh Thị H1 số tiền 406.600.000 (Bốn trăm lẻ sáu triệu sáu trăm trăm nghìn) đồng.

- Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị M, ông Huỳnh Công H2, ông Huỳnh Duyên H3 số tiền 406.600.000 (Bốn trăm lẻ sáu triệu sáu trăm trăm nghìn) đồng.

- Đối với số tiền 406.600.000 (Bốn trăm lẻ sáu triệu sáu trăm trăm nghìn) đồng bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thúy H4, bà Trần Thị N1, ông Trần Văn N2 do bà Trần Thị Thúy H4, bà Trần Thị N1, ông Trần Văn N2 không có đơn yêu cầu độc lập nên số tiền này giao bà N tiếp tục giữ. Bà Huỳnh Thị N cùng với bà Trần Thị Thúy H4, bà Trần Thị N1, ông Trần Văn N2 tự thỏa thuận thực hiện, không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có phát sinh tranh chấp thì khởi kiện giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định pháp luật.

- Bà Trần Thị M, ông Huỳnh Công H2, Huỳnh Duyên H3, Nguyễn Thị Mộng N3, Nguyễn Thị Hồng T3 được lưu cư trên phần đất thửa số 777 tờ bản đồ 17 diện tích 426,3 m² tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định có hiệu lực của Tòa án.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc: 11.205.050 (Mười một triệu hai trăm lẻ năm nghìn không trăm năm mươi) đồng; chi phí định giá: 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng; thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 1.932.000

(Một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn) đồng; tổng cộng là 13.937.050 (Mười ba triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn không trăm năm mươi) đồng. Các nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong nên ghi nhận.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

- Bà Huỳnh Lệ T2 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

- Bà Huỳnh Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.132.000 (Mười triệu một trăm ba mươi hai nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.666.000 (Mười tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006282 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Huỳnh Thị T được hoàn lại số tiền 8.534.000 (Tám triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

- Bà Huỳnh Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.132.000 (Mười triệu một trăm ba mươi hai nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.666.000 (Mười tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006284 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Huỳnh Thị H được hoàn lại số tiền 8.534.000 (Tám triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

- Bà Huỳnh Thị B chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.132.000 (Mười triệu một trăm ba mươi hai nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.666.000 (Mười tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006283 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Huỳnh Thị B được hoàn lại số tiền 8.534.000 (Tám triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

- Bà Huỳnh Thị H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.132.000 (Mười triệu một trăm ba mươi hai nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.360.000 (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006285 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Huỳnh Thị H1 phải nộp tiếp số tiền án phí là 6.772.000 (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

- Bà Huỳnh Thị Tuyết C án phí dân sự sơ thẩm là 10.132.000 (Mười triệu một trăm ba mươi hai nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.360.000 (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án

phí số 0006287 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Huỳnh Thị T1 phải nộp tiếp số tiền án phí là 6.772.000 (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

- Bà Huỳnh Thị Ngọc C1 án phí dân sự sơ thẩm là 10.132.000 (Mười triệu một trăm ba mươi hai nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.360.000 (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006286 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Huỳnh Thị N phải nộp tiếp số tiền án phí là 6.772.000 (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

- Bà Trần Thị M, ông Huỳnh Công H2, ông Huỳnh Duyên H3 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.132.000 (Mười triệu một trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Huỳnh Minh Hiền